

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN  
TỔ CÔNG TÁC LIÊN NGÀNH  
(Theo Quyết định số 875/QĐ-  
UBND ngày 21/9/2015 và 1525/QĐ-  
UBND ngày 9/12/2016)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện Biên Phủ, ngày 30 tháng 5 năm 2018

Số: 129/TTr-TCTLN

### TỜ TRÌNH

**Đề nghị phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người sử dụng đất và các đối tượng bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng công trình: đoạn tuyến Đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến khu TĐC Noong Bua vào dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường vành đai II (Nối tiếp khu TĐC Noong Bua thành phố Điện Biên Phủ với khu TĐC Pú Tửu thị trấn huyện Điện Biên) trên địa bàn tổ 17 (đợt 15), tổ 18 (đợt 10) phường Him Lam.**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Điện Biên Phủ.

Tổ công tác liên ngành trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Điện Biên Phủ phê duyệt phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người sử dụng đất và các đối tượng bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng công trình: đoạn tuyến Đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến khu TĐC Noong Bua vào dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường vành đai II (Nối tiếp khu TĐC Noong Bua thành phố Điện Biên Phủ với khu TĐC Pú Tửu thị trấn huyện Điện Biên); cụ thể như sau:

#### I. Căn cứ

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013.

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Thủ tướng Chính phủ về quy định thu tiền sử dụng đất.

Căn cứ Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành qui định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La; Quyết định số 141/2007/QĐ-TTg ngày 24/8/2007, Quyết định số 31/2008/QĐ-TTg ngày 25/2/2008, Quyết định số 72/2009/QĐ-TTg ngày 04/5/2009, Quyết định số 43/2011/QĐ-TTg ngày 10/8/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều về bồi thường hỗ trợ tái định cư dự án thủy điện Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 246/QĐ-TTg ngày 29 tháng 02 năm 2008, Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 11/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Điều 1 Quyết định số 246/QĐ-TTg ngày 29 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế đặc thù về thu hồi đất; giao đất ở đất sản xuất nông nghiệp cho các hộ tái định cư Dự án thủy điện Sơn La; Quyết định số 06/2007/QĐ-UBND ngày 22/6/2007 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành qui định cụ thể một số điều về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg



ngày 09/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 07/2008/QĐ-UBND ngày 17/4/2008, Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 09/12/2008, Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 11/9/2009, Quyết định 03/2011/QĐ-UBND ngày 10/01/2011, Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 19/04/2011, Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 27/3/2010 của UBND tỉnh Điện Biên về quy định một số nội dung và sửa đổi một số điều của các Quyết định của UBND tỉnh về quy định bồi thường, hỗ trợ tái định cư thủy điện Sơn La áp dụng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Văn bản số 1828/TTg-KTN ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý đề nghị của Bộ Tài chính về dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Văn bản số 11551/BTC-ĐT ngày 21/8/2015 của Bộ Tài chính về báo cáo kết quả thực hiện và xử lý kiến nghị của Dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Thông tư 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính quy định hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chi tiết một số nội dung về việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2014 của UBND tỉnh Điện Biên Ban hành bảng đơn giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019; Biên bản làm việc liên ngành thống nhất giá đất ở trung bình để tính hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án đường 60m và Dự án Hạ tầng kỹ thuật khung trên địa bàn phường Him Lam và phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ ngày 07/3/2017.

Căn cứ Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng, cây trồng trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành Quy định hạn mức giao đất, công nhận QSD đất; diện tích tối thiểu được phép tách thửa và mức đất xây dựng phân mộ, tượng đài, bia tưởng niệm trong nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015 của UBND tỉnh Điện Biên và Quyết định số 164/QĐ-STNMT ngày 04/11/2016 về việc thành lập Tổ công tác liên ngành về bồi thường, giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư các dự án thành phần thuộc dự án di dân, tái định cư thủy điện Sơn La trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 9/12/2016 của UBND tỉnh Điện Biên bổ sung thành viên và nhiệm vụ cho Tổ công tác liên ngành về bồi thường, giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư dự án thành phần thuộc dự án di dân, tái định cư thủy điện Sơn La trên địa bàn tỉnh Điện Biên (sau đây gọi là Tổ công tác).



Căn cứ Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 04/12/2015 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt đầu tư bổ sung đoạn tuyến Đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến khu TĐC Noong Bua vào dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường vành đai II (Nối tiếp khu TĐC Noong Bua thành phố Điện Biên Phủ với khu TĐC Pú Từu thị trấn huyện Điện Biên).

Căn cứ Công văn số 3359/UBND-TĐC ngày 22/9/2015 của UBND tỉnh Điện Biên về việc triển khai thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư một số Dự án trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ; Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành bổ sung một số chính sách đặc thù đối với các dự án thành phần thuộc Dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ; Quyết định 210/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Ban hành bổ sung một số chính sách đặc thù khi Nhà nước thu hồi đất để triển khai thực hiện Dự án đầu tư bổ sung đoạn tuyến Đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến khu tái định cư Noong Bua vào dự án đầu tư xây dựng công trình Đường vành đai II: Nối tiếp khu tái định cư Noong Bua thành phố Điện Biên Phủ với khu tái định cư Pú Từu thị trấn huyện Điện Biên và Dự án Hạ tầng kỹ thuật khung, khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m, thành phố Điện Biên Phủ.

Căn cứ Văn bản số 2620/UBND-TH ngày 15/9/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc xử lý một số tồn tại vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư một số dự án trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ; Văn bản số 1189/UBND-TH ngày 10/5/2018 của UBND tỉnh về việc xử lý một số tồn tại vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư một số dự án trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ;

Căn cứ Tờ trình số 72/TTr-TCTLN ngày 3/3/2016, Tờ trình số 115/TTr-TCTLN ngày 4/4/2016; Tờ trình số 62/TTr-TCTLN ngày 29/2/2016 của Tổ công tác liên ngành đề nghị phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người sử dụng đất và các đối tượng bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng công trình: đoạn tuyến Đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến khu TĐC Noong Bua vào dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường vành đai II (Nối tiếp khu TĐC Noong Bua thành phố Điện Biên Phủ với khu TĐC Pú Từu thị trấn huyện Điện Biên) trên địa bàn tổ 17; 18 phường Him Lam.

Căn cứ Tờ trình số 87/TTr-CNTTPTQĐ TP ngày 15/5/2018; Tờ trình số 40/TTr-TTPTQĐ ngày 16/5/2018 của Trung tâm phát triển quỹ đất đề nghị thẩm định và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người sử dụng đất và các đối tượng bị ảnh hưởng khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến khu TĐC Noong Bua vào dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường vành đai II (Nối tiếp khu TĐC Noong Bua thành phố Điện Biên Phủ với khu TĐC Pú Từu thị trấn huyện Điện Biên) địa phận phố 16, 17, 18 phường Him Lam và bản Phiêng Bua phường Noong Bua thành phố Điện Biên Phủ..

Căn cứ Biên bản thống nhất nội dung lập tính, toán điều chỉnh, bổ sung phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người sử dụng đất và các đối tượng bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng công trình: đoạn tuyến Đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến khu TĐC Noong Bua vào dự



án đầu tư xây dựng công trình: Đường vành đai II (Nối tiếp khu TĐC Noong Bua thành phố Điện Biên Phủ với khu TĐC Pú Tũu thị trấn huyện Điện Biên) trên địa bàn tổ 17 (đợt 15), tổ 18 (đợt 10) phường Him Lam, ngày 30. tháng 5 năm 2018,

## II. Nội dung trình

1. Tên phương án: điều chỉnh, bổ sung phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người sử dụng đất và các đối tượng bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng công trình: đoạn tuyến Đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến khu TĐC Noong Bua vào dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường vành đai II (Nối tiếp khu TĐC Noong Bua thành phố Điện Biên Phủ với khu TĐC Pú Tũu thị trấn huyện Điện Biên) trên địa bàn tổ 17 (đợt 15), tổ 18 (đợt 10) phường Him Lam.

2. Địa điểm thực hiện: phường Him Lam, phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ.

3. Thời gian thực hiện: Từ tháng 01 năm 2016 đến khi hoàn thành.

4. Nội dung và quy mô: Bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây trồng vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất.

5. Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ là: 819.872.928,0 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm mười chín triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm hai mươi tám đồng.*)

### Trong đó:

|  |             |      |
|--|-------------|------|
| - Kinh phí điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ về đất:                | 0           | đồng |
| - Kinh phí điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ tài sản vật kiến trúc: | 0           | đồng |
| - Kinh phí điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ về cây trồng:          | 802.224.000 | đồng |
| - Kinh phí điều chỉnh, bổ sung hỗ trợ:                                   | 0           | đồng |
| - Kinh phí điều chỉnh, bổ sung tổ chức thực hiện:                        | 16.044.480  | đồng |
| - Kinh phí điều chỉnh, bổ sung dự phòng cưỡng chế                        | 1.604.448   | đồng |

*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

6. Nguồn vốn chi trả phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư

Kinh phí tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được sử dụng từ nguồn vốn bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thủy điện Sơn La theo kế hoạch hàng năm của tỉnh được phê duyệt tại Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 04/12/2015 của UBND tỉnh Điện Biên.

7. Tổ chức thực hiện

a) Ban Quản lý dự án thành phố Điện Biên Phủ có trách nhiệm.

Phối hợp với đại diện chủ đầu tư, căn cứ phương án, dự toán kinh phí được phê duyệt, chứng từ liên quan thực hiện chi trả, quyết toán kinh phí bồi thường hỗ trợ, tái định cư cụ thể như sau:

+ Chi trả cho các đối tượng trong phương án các khoản tiền: bồi thường, hỗ trợ về cây trồng vật nuôi.

+ Thanh toán các khoản chi phí tổ chức thực hiện về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho Tổ công tác liên ngành theo Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015; Quyết định số 164/QĐ-STNMT ngày 04/11/2016; Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 9/12/2016 và các chi phí khác có liên quan đến việc tổ chức thực hiện về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc dự án;

+ Tập hợp các chứng từ chi phí thực tế có liên quan lập báo cáo quyết toán gửi cơ quan Tài chính phê duyệt quyết toán theo quy định hiện hành.

+ Chuyển tiền chi phí tổ chức thực hiện cho Trung tâm phát triển quỹ đất theo tiến độ thực hiện.

b) Trung tâm phát triển quỹ đất có trách nhiệm.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Him Lam, phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến từng người có đất thu hồi, mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư, thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian bố trí tái định cư và thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

- Thu Giấy chứng nhận đã cấp (nếu có) cho người sử dụng đất bị thu hồi chuyển cho Văn phòng đăng ký đất đai để chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

- Quản lý đất đã được giải phóng mặt bằng;

c) Ủy ban nhân dân phường Him Lam, phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ có trách nhiệm.

- Phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và phương án đối trừ đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định hiện hành.

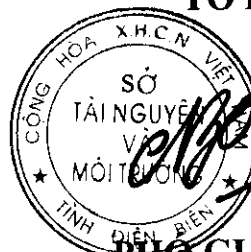
- Tổ chức vận động, thuyết phục để người có đất thu hồi thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành trình Chủ tịch UBND thành phố Điện Biên Phủ xem xét phê duyệt./

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Phòng TNMT TP;
- TTPTQĐ; CN TTPTQĐ TP;
- Lưu: VT, TCT.

**KT. TỔ TRƯỞNG  
TỔ PHÓ**



**PHÓ GIÁM ĐỐC  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
Ngôn Ngọc Khuê**



**BIỂU 1: TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG, KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: ĐOẠN TUYẾN ĐƯỜNG NỐI TỪ ĐƯỜNG VÕ NGUYỄN GIÁP ĐẾN KHU TĐC NOONG BUA VÀO DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG VÀNH ĐAI II (NỐI TIẾP KHU TĐC NOONG BUA THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ VỚI KHU TĐC PÚ TỬU THỊ TRẤN HUYỆN ĐIỆN BIÊN) TRÊN ĐỊA BÀN TỔ 17, 18 PHƯỜNG HIM LAM**

(Kèm theo Tờ trình số: *129*.../ TTr-TCTLN ngày *30* tháng *5*... năm 2018 của Tổ công tác liên ngành)

Đơn vị tính: đồng

| Hộ số | HỌ VÀ TÊN                          | DIỆN TÍCH THẨM ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG(m2) | KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG, BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ ĐẤT | KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN VẬT KIẾN TRÚC | KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI | KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG HỖ TRỢ |                 |                        | TỔNG KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ |
|-------|------------------------------------|---|---|---|---|-------------------------------------|-----------------|------------------------|--|
|       |                                    |   |   |   |   | TỔNG CỘNG                           | KINH PHÍ HỖ TRỢ | KINH PHÍ HỖ TRỢ XD NHÀ |  |
| I     | PHƯỜNG HIM LAM                     |   |   |   |   |                                     |                 |                        |  |
| *     | TỔ DÂN PHỐ 17                      |   |   |   |   |                                     |                 |                        |  |
| 20    | Trương Xuân Thâu - Hoàng Thị Luyến |   |   |   | 0   | 0                                   |                 |                        | 0  |
| 33    | Triệu Quang Trung - Phạm Thị Tươi  |   |   |   | 53.760.000  | 0                                   |                 |                        | 53.760.000   |
| 34    | Nguyễn Văn Vinh - Phạm Thị Miến    |   |   |   | 0   | 0                                   |                 |                        | 0  |
| *     | TỔ DÂN PHỐ 16                      |   |   |   |   |                                     |                 |                        |  |
| *     | TỔ DÂN PHỐ 18                      |   |   |   |   |                                     |                 |                        |  |
| 21    | Hoàng Bá Dương - Trần Thị Hồng     |   |   |   | 748.464.000   | 0,0                                 |                 |                        | 748.464.000,0  |
| II    | PHƯỜNG NOONG BUA                   |   |   |   |   | 0                                   |                 |                        |  |
|       | <b>Tổng cộng</b>                   | <b>0,0</b>                                  | <b>0,0</b>  | <b>0,0</b>  | <b>802.224.000,0</b>  | <b>0,0</b>                          | <b>0,0</b>      | <b>0,0</b>             | <b>802.224.000,0</b>                                 |

**BIỂU 3: DỰ TOÁN KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: ĐOẠN TUYẾN ĐƯỜNG NÓI TỪ ĐƯỜNG VÔ NGUYÊN GIÁP ĐẾN KHU TĐC NOONG BUA VÀO DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG VÀNH ĐAI II (NÓI TIẾP KHU TĐC NOONG BUA THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ VỚI KHU TĐC PÚ TỬU THỊ TRẤN HUYỆN ĐIỆN BIÊN) TRÊN ĐỊA BÀN TỔ 17, 18 PHƯỜNG HIM LAM**

(Kèm theo Tờ trình số: *1.1.9*... / TTr-TCTLN ngày *30*...tháng...*5*... năm 2018 của Tổ công tác liên ngành)

| STT        | NỘI DUNG CHI   | SỐ TIỀN           |
|------------|--|-------------------|
| <b>A</b>   | <b>Tổng kinh phí tổ chức thực hiện</b>   | <b>16.044.480</b> |
| <b>I</b>   | <b>Kinh phí phê duyệt phương án (2%)</b>   | <b>320.890</b>    |
| <b>II</b>  | <b>Kinh phí cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường GPMB (70%)</b>   | <b>11.231.136</b> |
| 1          | Chi tuyên truyền các chính sách, chế độ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; tổ chức vận động các đối tượng liên quan thực hiện quyết định thu hồi đất;  |                   |
| 2          | Chi kiểm kê, đánh giá đất đai, tài sản thực tế bị thiệt hại gồm: phát tờ khai, hướng dẫn người bị thiệt hại kê khai; đo đạc xác định diện tích đất, kiểm kê số lượng và giá trị nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất của từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; kiểm tra, đối chiếu giữa tờ khai với kết quả kiểm kê, xác định mức độ thiệt hại với từng đối tượng bị thu hồi đất cụ thể; tính toán giá trị thiệt hại về đất đai, nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác; |                   |
| 3          | Chi lập, phê duyệt, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ khâu tính toán các chỉ tiêu bồi thường đến khâu phê duyệt phương án bồi thường, thông báo công khai phương án bồi thường;   |                   |
| 4          | Chi phục vụ việc kiểm tra, hướng dẫn thực hiện chính sách bồi thường, giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường và tổ chức thực hiện chi trả bồi thường;  |                   |
| 5          | Chi thuê văn phòng, trang thiết bị làm việc của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường và cơ quan thẩm định (nếu có);   |                   |
| 6          | Chi in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm và xăng xe;   |                   |
|            | i) Chi thuê nhân công thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có);   |                   |
| 7          | Các nội dung chi khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.   |                   |
| <b>III</b> | <b>Kinh phí cho Tổ công tác của tỉnh (28%)</b>   | <b>4.492.454</b>  |
| 1          | Chi thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;   |                   |
| 2          | Chi phục vụ việc kiểm tra, hướng dẫn thực hiện chính sách bồi thường, giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường và tổ chức thực hiện chi trả bồi thường;  |                   |
| 3          | Chi in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm và xăng xe;   |                   |
| 4          | Các nội dung chi khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (thẩm định, giải quyết các vướng mắc phát sinh...)   |                   |
| <b>B</b>   | <b>Kinh phí dự phòng cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất (10%)</b>   | <b>1.604.448</b>  |
| <b>C</b>   | <b>TỔNG CỘNG</b>   | <b>17.648.928</b> |

**BIỂU 2: CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ CÂY TRỒNG VẬT NUÔI CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG, KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: ĐOẠN TUYẾN ĐƯỜNG NỐI TỪ ĐƯỜNG VÕ NGUYỄN GIÁP ĐẾN KHU TĐC NOONG BUA VÀO DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG VÀNH ĐAI II (NỐI TIẾP KHU TĐC NOONG BUA THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHŨ VỚI KHU TĐC PÚ TỬU THỊ TRẦN HUYỆN ĐIỆN BIÊN) TRÊN ĐỊA BÀN TÔ 17, 18 PHƯỜNG HIM LAM**

(Kèm theo Tờ trình số: 1.29.../TT-TCTLN ngày 30...tháng 5... năm 2018 của Tổ công tác liên ngành)

Đơn giá: Đồng

| Tổ 17, phường Him Lam  |   |     |            |         |             | Tờ trình số 72/TT-TCTLN ngày 3/3/2016 của Tổ công tác liên ngành |                                    |     |            |         |             | Số tiền đề nghị điều chỉnh bổ sung | Ghi chú  |
|--|---|-----|------------|---------|-------------|--|------------------------------------|-----|------------|---------|-------------|------------------------------------|--|
| Kết quả thẩm định điều chỉnh, bổ sung của Tổ công tác liên ngành |   |     |            |         |             |  |                                    |     |            |         |             |                                    |  |
| STT  | Họ và tên   | ĐVT | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền  | STT  | Họ và tên                          | ĐVT | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền  |                                    |  |
| 20   | Trương Xuân Thâu - Hoàng Thị Luyến  |     |            |         | 524.064.000 | 20   | Trương Xuân Thâu - Hoàng Thị Luyến |     |            |         | 524.064.000 | 0                                  |  |
| c  | Cây trồng vật nuôi  |     |            |         | 524.064.000 | c  | Cây trồng vật nuôi                 |     |            |         | 524.064.000 | 0                                  |  |
|  | Sản lượng ao nuôi ba ba (Đơn giá bồi thường tại Quyết định số: 02/2015/QĐ-UBND ngày ... Sản lượng ao nuôi ba ba (Đơn giá bồi thường tại QĐ số 02/2015/QĐ-UBND ngày 10/3/2015 của UBND tỉnh với điều kiện hộ gia đình nuôi ba ba thực tế đạt sản lượng 16 tấn/ha. Trường hợp hộ gia đình nuôi ba ba không đạt sản lượng trên giao UBND thành phố Điện Biên Phủ chịu trách nhiệm chỉ đạo Tổ chức phát triển quỹ đất TPĐBP, các phòng ban liên quan và hộ gia đình thực hiện đánh bắt và bồi thường theo sản lượng thực tế.) | m2  | 1.091,8    | 480.000 | 524.064.000 |  | Sản lượng ao nuôi ba ba            | m2  | 1.091,8    | 480.000 | 524.064.000 | 0                                  | Áp giá 480.000 đ/m2 ao nuôi ba ba theo Văn bản số: 1189/UBND-TH ngày 01/5/2018 của UBND tỉnh |
| 34   | Nguyễn Văn Vinh - Phạm Thị Miến   |     |            |         | 212.832.000 | 34   | Nguyễn Văn Vinh - Phạm Thị Miến    |     |            |         | 212.832.000 | 0                                  |  |
| c  | Cây trồng vật nuôi  |     |            |         | 212.832.000 | c  | Cây trồng vật nuôi                 |     |            |         | 212.832.000 | 0                                  |  |
|  | - Ao nuôi ba ba (Đơn giá bồi thường tại QĐ số 02/2015/QĐ-UBND ngày 10/3/2015 của UBND tỉnh với điều kiện hộ gia đình nuôi ba ba thực tế đạt sản lượng 16 tấn/ha. Trường hợp hộ gia đình nuôi ba ba không đạt sản lượng trên giao UBND thành phố Điện Biên Phủ chịu trách nhiệm chỉ đạo Tổ chức phát triển quỹ đất TPĐBP, các phòng ban liên quan và hộ gia đình thực hiện đánh bắt và bồi thường theo sản lượng thực tế.)   | m2  | 443,4      | 480.000 | 212.832.000 |  | Sản lượng ao nuôi ba ba            | m2  | 443,4      | 480.000 | 212.832.000 | 0                                  | Áp giá 480.000 đ/m2 ao nuôi ba ba theo Văn bản số: 1189/UBND-TH ngày 01/5/2018 của UBND tỉnh |

| Tờ trình số 72/TTr-TCTLN ngày 3/3/2016 của Tổ công tác liên ngành  |   |     |            |         |                    | Kết quả thẩm định điều chỉnh, bổ sung của Tổ công tác liên ngành |  |     |            |         |                      | Số tiền đề nghị điều chỉnh bổ sung | Ghi chú  |
|--|---|-----|------------|---------|--------------------|--|--|-----|------------|---------|----------------------|------------------------------------|--|
| STT  | Họ và tên   | ĐVT | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền         | STT  | Họ và tên  | ĐVT | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền           |                                    |  |
| Tờ trình số 115/TTr-TCTLN ngày 4/4/2016 của Tổ công tác liên ngành |   |     |            |         |                    | Kết quả thẩm định điều chỉnh, bổ sung của Tổ công tác liên ngành |  |     |            |         |                      |                                    |  |
| 33   | Triệu Quang Trung - Phạm Thị Tươi   |     |            |         |                    | 33   | Triệu Quang Trung - Phạm Thị Tươi  |     |            |         | 53.760.000           | 53.760.000                         |  |
| e  | Cây trồng vật nuôi  |     |            |         |                    | c  | Cây trồng vật nuôi   |     |            |         | 53.760.000           | 53.760.000                         |  |
|  | Sản lượng ao nuôi ba ba   | m2  |            |         |                    |  | Sản lượng ao nuôi ba ba  | m2  | 112,0      | 480.000 | 53.760.000           | 53.760.000                         | Áp giá 480.000 đ/m2 ao nuôi ba ba theo Văn bản số: 1189/UBND-TH ngày 01/5/2018 của UBND tỉnh   |
| <b>Tổ 18, phường Him Lam</b>                                       |   |     |            |         |                    |  |  |     |            |         |                      |                                    |  |
| Tờ trình số 62/TTr-TCTLN ngày 29/2/2016 của Tổ công tác liên ngành |   |     |            |         |                    | Kết quả thẩm định điều chỉnh, bổ sung của Tổ công tác liên ngành |  |     |            |         |                      |                                    |  |
| 21   | Hoàng Bá Dương - Trần Thị Hồng  |     |            |         | 60.000.000         | 21   | Hoàng Bá Dương - Trần Thị Hồng   |     |            |         | 808.464.000          | 748.464.000                        |  |
| c  | Cây trồng vật nuôi  |     |            |         | 60.000.000         | c  | Cây trồng vật nuôi   |     |            |         | 808.464.000          | 748.464.000                        |  |
|  | - Sản lượng ba ba (tổng số 250 con, bình quân 0,8kg/01 con; giá 300.000đồng/kg).<br>Tính bồi thường theo sản lượng thực tế. | kg  | 200        | 300.000 | 60.000.000         |  | - Sản lượng ba ba (Theo văn bản số 1189/UBND-TH ngày 01/5/2018 của UBND tỉnh). | m2  | 1.684,3    | 480.000 | 808.464.000          | 748.464.000                        | Tại BBKT của hộ Ông Dương ngày 3/11/2015: ao nuôi ba ba là 1.684,3m2. Ba ba của hộ gđ nằm tại 02 thửa: thửa 14 tờ bản đồ 16 dt thu hồi 453m2 và thửa 73 tờ bản đồ 80 diện tích thu hồi 387,1m2 |
| <b>Tổng cộng</b>   |   |     |            |         | <b>796.896.000</b> | <b>Tổng cộng</b>   |  |     |            |         | <b>1.599.120.000</b> | <b>802.224.000</b>                 |  |